

Số: 17 /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 664/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2018 và xây dựng Kế hoạch năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (có kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TT-DN, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 14/12/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đạt cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch, làm nền tảng hoàn thành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế tư nhân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (phấn đấu tăng 2-3 bậc xếp hạng PCI toàn quốc). Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả đối với toàn bộ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cùng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019

2.1. Tăng trưởng kinh tế: GRDP (giá 2010 - theo hệ số xây dựng Nghị quyết 5 năm) tăng 8,09%; Trong đó: Khu vực Nông nghiệp tăng 5,77%; Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 12,34%; Khu vực Dịch vụ tăng 8,91%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 8,52%.

Tăng trưởng kinh tế (tính theo hệ số mới do Tổng cục Thống kê công bố): GRDP (giá 2010) tăng 7,12%. Khu vực Nông nghiệp tăng 4,94%; Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,3%; Khu vực Dịch vụ tăng 7,41%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 6,93%.

2.2. Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng khu vực Nông nghiệp chiếm 45,08%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 16,46%; khu vực Dịch vụ chiếm 32,32%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,13%.

2.3. GRDP bình quân đầu người: Đạt 48,47 triệu đồng.

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 18.500 tỷ đồng.

2.5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 2.358 tỷ đồng, phấn đấu tăng trên 12% so với số thu thực hiện năm 2018.

2.6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 63,5%. ↓

2.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Bảo đảm nguồn nước cho 78% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 89% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 98% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch.

2.8. Hạ tầng cấp điện: 98% số hộ được dùng điện. Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 99,5%.

2.9. Dân số bình quân 659 ngàn người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%.

2.10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18 ngàn lao động; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người.

2.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo chung từ 2,5% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

2.12. Y tế: 59,2% xã (đạt 42 xã) đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; 87,3% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

2.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 8 trường; 69% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông được đi học.

2.14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 79%; Tỷ lệ thôn, buôn, bon, bản tổ dân phố văn hóa 75,8%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 31%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 89,3%.

2.15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 39,3%.

2.16. Nông thôn mới: có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 21 xã), mỗi xã đạt bình quân 13,9 tiêu chí trở lên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Tăng tỷ lệ 10% mức chi từ ngân sách để thực hiện chế độ phụ cấp cho cán bộ cơ sở không chuyên trách.

Trích 20% nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 của Ngân sách các cấp để bổ sung nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất của tỉnh.

Ủy nhiệm cho Kho bạc Nhà nước thu thuế giá trị gia tăng của các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư; đồng thời, tiếp tục thực hiện cơ chế trích kinh phí để chi trả cho các đối tượng liên quan đến công tác thu vượt dự toán.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng nguồn thu vượt dự toán để xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trích khoản kinh phí cho ngành thuế và các cơ quan liên quan trong việc thu ngân sách.

2. Thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Tiếp tục triển khai đúng tiến độ các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể hóa theo lộ trình Kế hoạch 5 năm vào kế hoạch

năm 2019. Triển khai có hiệu quả các chính sách, quy định mới của Trung ương.

Triển khai việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch ngay khi có hướng dẫn thực hiện của Trung ương. Lập kế hoạch đào tạo, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch từ tỉnh đến cơ sở, huy động nhiều nguồn vốn thực hiện quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng.

3. Về phát triển công nghiệp

Hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để Nhà máy điện phân nhôm đi vào hoạt động và có sản phẩm vào cuối năm 2019. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến kết quả cuối cùng trong triển khai thực hiện dự án, trong đó trọng tâm là tháo gỡ những khó khăn của các dự án lớn, trọng điểm, có đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng và có sự lan tỏa đối với phát triển. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp, nhằm bù đắp sự thiếu hụt sản phẩm công nghiệp do chưa có sản phẩm nhôm theo kế hoạch đề ra, đặc biệt là hỗ trợ các dự án điện mặt trời, dự án thủy điện, hạ tầng thương mại để sớm có sản phẩm.

Thực hiện tốt quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, tăng cường hợp tác liên kết với người dân trong việc phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo đầu vào cho chế biến. Tiếp tục thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến nông sản, khoáng sản, hỗ trợ công nghiệp bột, các sản phẩm sau nhôm. rà soát các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, chuyển đổi quy hoạch, tập trung vào các cụm công nghiệp triển vọng để thu hút đầu tư.

4. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn

Cụ thể hóa Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh năm 2019 với những mục tiêu, chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu, kèm theo các giải pháp, nguồn lực cụ thể để triển khai có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Đề án Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp ở từng lĩnh vực, địa phương, phấn đấu đạt và vượt 14 chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 tại Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) đã được quy hoạch, tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí để xây dựng vùng NNUDCNC của tỉnh, dựa vào Điều 2 của Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng NNUDCNC; xây dựng chính sách hỗ trợ các vùng hoàn thành các tiêu chí trong vùng NNUDCNC của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận vùng NNUDCNC theo quy định. Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ngay trong năm 2019, chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân, tăng tỷ lệ vốn đầu tư ngoài nhà nước đầu tư vào nông nghiệp. ✓

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép với nhiều chương trình, dự án trên cùng một địa bàn. Phát huy nguồn lực từ các nhà tài trợ cho các dự án ODA (Phát triển CSHT nông thôn, WB8, ADB 8, VnSAT...), các chương trình mục tiêu vào triển khai xây dựng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

5. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch: Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thực hiện Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước tại Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông đến năm 2020. Thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, giúp doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến, để bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và chống thất thu cho ngân sách nhà nước.

Trình UNESCO hồ sơ Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, đón đoàn đánh giá quốc tế, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu, phấn đấu được UNESCO công nhận công viên địa chất toàn cầu trong năm 2019. Xây dựng kế hoạch cụ thể để phân công nhiệm vụ khuyến khích, quảng bá, thu hút nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Khảo sát, thống kê dịch vụ du lịch, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch; khảo sát, thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh du lịch, chất lượng phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

6. Về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đề ra tại Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 35 của Chính phủ và các văn bản đã cụ thể hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, thực hiện tốt các cam kết của địa phương đối với cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp theo chính sách của Trung ương và địa phương. Thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại

doanh nghiệp. Các tổ chức tín dụng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, thuế, đất đai, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiên nghị của doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên ngành trong công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó kết hợp rà soát thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật.

7. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, trong đó chú trọng các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh, thu tiền sử dụng đất, giải quyết nợ đọng thuế, chống thất thu thuế, bồi dưỡng nguồn thu, để tăng nguồn thu cho ngân sách phục vụ cho đầu tư phát triển. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thuế theo hướng công khai quy trình thủ tục; hỗ trợ, hướng dẫn, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế. Tuân thủ nghiêm và triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

Có kế hoạch làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để sớm trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 vào quy hoạch tổng thể phát triển Khu công nghiệp quốc gia đến năm 2020. Tập trung hoàn thiện dự án cơ sở hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ, tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp chưa hoàn thiện. Lập quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù Trung tâm công nghệ khai thác chế biến bô xit - nhôm tại Đắk Nông. Đẩy nhanh tiến độ dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, tiếp tục đề nghị EVN hoàn thiện mạng lưới truyền tải điện toàn tỉnh.

Tổ chức thanh tra toàn diện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (đối với các công trình chưa thanh tra), xử lý nghiêm các sai phạm, khuyết điểm, đồng thời đề xuất cơ chế quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

8. Về bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách: Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi của nhà nước; tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc; tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp lễ, Tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực phục vụ thực hiện công tác giảm nghèo, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kịp thời, đủ để thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chú trọng huy động sự đóng góp của doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức toàn xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai

các hoạt động phòng, chống tai nạn, phòng chống đuối nước; các chương trình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

9. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, phát triển y tế theo hướng chú trọng cơ sở, theo các mô hình chăm sóc y tế cộng đồng và gia đình, đồng thời phát triển công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu nhân dân. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Đẩy mạnh chương trình hợp tác y tế với Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh; nâng cao vai trò, năng lực điều trị tại bệnh viện đa khoa các tuyến, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Thành lập Khoa Tim mạch - Lão khoa tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và đưa vào hoạt động để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

10. Về công tác giáo dục đào tạo: Phát triển theo hướng chuẩn hóa toàn diện ở các cấp học, nhất là giáo dục vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, giảm tỷ lệ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số bỏ học. Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, gương mẫu và trách nhiệm nghề nghiệp. Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung thực hiện các Đề án theo Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngành giáo dục. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với các quy định mới của Trung ương. Tiếp tục nỗ lực nâng cao số lượng các trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Rà soát, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu còn nợ đối với các trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

11. Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm; tăng tần suất, nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn quy định, tổ chức đào tạo nghề theo hướng tăng thời gian thực hành, thực hành có chất lượng gắn với thực tiễn khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao tay nghề phù hợp với yêu cầu xã hội. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm. Tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn đầu tư cho sản xuất thu hút nhiều lao động vào làm việc. Đồng thời, lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay; tạo việc làm mới và ổn định cuộc sống.

12. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng văn hóa, đời sống con người phát triển toàn diện, bảo tồn kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản địa; từng bước hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Nâng cao mức

hương thụ văn hóa của người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh. Xây dựng và phát triển thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực của nhân dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức Hội thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XI, khu vực II năm 2019.

13. Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông: Triển khai Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm thông tin liên lạc đặc biệt vào các dịp lễ lớn. Xây dựng Nghị quyết chính sách hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy chế bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh khi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng lồng ghép việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình quốc gia về khoa học công nghệ để giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Triển khai xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ sản phẩm, chỉ dẫn địa lý... đối với các sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc trưng của tỉnh.

14. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng: Tiếp tục tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tập trung triển khai thực hiện tốt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Bảo vệ bằng được diện tích rừng tự nhiên hiện có trên địa bàn tỉnh là 209.807,10 ha, giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng phá rừng tự nhiên. Tập trung đẩy mạnh công tác trồng rừng, cụ thể hướng dẫn rõ ràng quy trình trồng rừng trong đó nêu rõ địa bàn, loại cây, tổ chức trồng rừng, có lộ trình cơ chế cụ thể triển khai từ đầu năm 2019; ưu tiên khoanh nuôi, tập trung bảo vệ để tái sinh rừng tự nhiên đối với các diện tích rừng bị chặt phá trong thời gian vừa qua, nhất là trong các rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tổ chức rà soát, thống kê toàn bộ diện tích trồng cây lâm nghiệp trên địa bàn quản lý; đề xuất cập nhật vào diễn biến rừng hàng năm.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; đồng thời triển khai thực hiện các đề án đánh giá tổng thể các tác động môi trường, tình trạng sạt lở từ các hoạt động khai thác cát và Đề án ứng phó toàn diện với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tập trung kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

15. Về cải cách hành chính, tư pháp và nội chính, dân tộc và tôn giáo:

Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từng sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã chủ động triển khai có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình, giải quyết khó khăn của doanh nghiệp và người dân đến kết quả cuối cùng. Nghiêm túc triển khai có kết quả tốt các chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hóa... một số cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh theo Nghị định của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện các Kế hoạch 300, 386/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo về nội dung, lộ trình thời gian cụ thể, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo tại Chương trình hành động 26 và 30-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết 18,19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo trên địa bàn tỉnh, tạo sự thống nhất đồng tình, ủng hộ cao của bà con đồng bào dân tộc thiểu số và bà con giáo dân vào công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh nhà. Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện năm 2019.

16. Giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự, tập trung xử lý các vụ việc phức tạp kéo dài. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng phát sinh; đồng thời, rà soát để xử lý dứt điểm những vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng tồn đọng; xử lý kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến tham nhũng. Quán triệt phòng, chống và xử lý nghiêm nạn “tham nhũng vặt” gây tăng chi phí không chính thức trong thủ tục hành chính, gây mất niềm tin của doanh nghiệp, người dân.

17. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh: Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do Trung ương giao. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Monduliri, Vương quốc Campuchia./↓

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

Phụ lục

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	19.217	20.771	
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	8.288	8.766	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	3.137	3.524	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.601	7.189	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.191	1.292	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	8,21%	8,09%	Tính theo hệ số trung gian mới: GRDP (giá 2010) tăng 7,12%.
	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	29.337	31.941	
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	13.555	14.399	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	4.661	5.258	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	9.636	10.325	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.485	1.959	
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	45,24	48,47	Tính theo hệ số trung gian mới: Đạt 48,44 triệu đồng.
	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế	%	100	100	
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Nông, lâm nghiệp	%	46,20	45,08	Tính theo hệ số trung gian mới: Tỷ trọng KV nông nghiệp chiếm 42,36%; KV công nghiệp - xây dựng chiếm 18,32%; KV dịch vụ chiếm 36,74%; Thuế chiếm 2,58%.
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	15,89	16,46	
	+ Dịch vụ	%	32,85	32,33	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	5,06	6,13	
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	15.281	18.500	
	Xuất - nhập khẩu				
5	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.158	1.298	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	350	220	
	Thu - Chi ngân sách				
6	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.300	2.358	Phần đầu tăng trên 12% so với số thu thực hiện năm 2018
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.521	6.322	
7	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	14.641	16.105	
	Hạ tầng giao thông				
8	Nhựa hóa đường toàn tỉnh	%	61,15	63,5	
	<i>Trong đó: Nhựa hoá đường huyện</i>	%	92	96	
	Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị				
9	- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	76	78	
	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	88	89	
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	96	98	
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	
	Hạ tầng cấp điện				
10	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%	97,5	98	
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới QG	%	99	99,5	
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
	Dân số trung bình				
1	- Dân số trung bình	Ngàn người	644	659	
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,1	1,1	
	- Mức tỉ lệ giảm sinh	‰	0,8	0,8	
	Lao động và việc làm				
2	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	18.280	18.000	
	- Đào tạo nghề	Người	3.949	3.800	
	- Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	41	42,5	
	Giảm nghèo:				
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	Giảm 2,5%	Giảm 2,5%	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm 5%	Giảm 5%	
	Y tế				
	- Số giường bệnh/vận dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	18,2	18,5	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
4	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,5	7,7	
	- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	56,3	59,2	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	20,6	20,1	
	- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	96,5	>=90	
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	85,0	87,3	
5	Giáo dục				
	- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%	68,5	69	
	- Số trường ở các cấp học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới	Trường/ năm	13	8	
6	Văn hóa				
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa	%	78,00	79,00	
	- Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa	%	75,79	75,80	
	- Xã, phường, thị trấn văn hóa	%	29,58	31,00	
	- Cơ quan văn hóa	%	88,80	89,30	
7	Chỉ tiêu về môi trường				
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	39,2	39,3	
	- Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.600	1.000	
	- Tỷ lệ giảm các vụ phá rừng (giảm % số vụ và diện tích so với năm trước)	%	Giảm 10% số vụ; giảm 40% diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	
8	Nông thôn mới:				
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	6 (lũy kế 16 xã)	5 (lũy kế 21 xã)	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	12,80	13,90	